TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Phạm Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Y,** sinh năm 1988,

Nơi ĐKHKTT: Khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người được chị Y uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng: **Nguyễn Ngọc T,** sinh năm 1993; Địa chỉ: A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn H,** sinh năm 1984,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

Chị Y và anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và Trần Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/7/2012. Sau khi kết hôn, chị chuyển về nhà anh H tại khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương để sinh sống cùng gia đình nhà chồng. Năm đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng dần dần nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 8/2014 anh H sang Nhật Bản để làm việc và đến nay vẫn chưa về nước. Thời gian đầu anh H vẫn thỉnh thoảng liên lạc cho chị nhưng càng về sau càng ít liên lạc. Năm 2016 chị cũng sang Đài Loan sinh sống và làm việc. Vợ chồng càng ít quan tâm nhau và mâu thuẫn thêm trầm trọng hơn. Tháng 12/2023 chị về Việt Nam và có nói chuyện với anh H để đoàn tụ nhưng anh H không đồng ý. Do đó, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại địa chỉ: Phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, chị vẫn kiên quyết không quay về nhà chồng sinh sống. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Trần Phạm Gia H1, sinh ngày 17/4/2023, hiện nay cháu đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do chị Y không cung cấp được địa chỉ của anh H ở Nhật Bản nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh H. Ông Trần Văn K (là bố đẻ của anh H) trình bày: Anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình ông qua điện thoại. Tuy nhiên, anh H không cho ông biết địa chỉ cụ thể nên ông không cung cấp được cho Tòa án, mặc dù đã được Toà án yêu cầu nhiều lần. Ông đã thông báo cho anh H biết việc chị Y có đơn xin ly hôn, hiện nay anh H đang lao động tại Nhật Bản nên không thể về để trình bày ý kiến hay gửi quan điểm về cho Tòa án được. Anh H có trao đổi lại quan điểm với ông để trình bày lại với Tòa án là anh H đã biết việc chị Y yêu cầu giải quyết ly hôn, anh H không mong muốn việc ly hôn nhưng nếu chị Y kiên quyết ly hôn thì anh H chưa có ý kiến gì đợi anh H về nước thì anh H sẽ tự quyết định. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Phạm Gia H1, sinh năm 2023 hiện nay cháu đang sống cùng chị Y. Anh H không có ý kiến gì về việc chị Y xin nuôi con và tài sản chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Y có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phạm Thị Y ly hôn anh Trần Văn H; Giao cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Phạm Gia H1, sinh ngày 17/4/2023 kể từ tháng 6/2024 đến khi trưởng thành và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Y; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Y khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Trần Văn H. Anh H hiện nay đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ của anh H. Gia đình anh H xác định anh H đang ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên gia đình không cung cấp được địa chỉ anh H cho Toà án. Tuy nhiên, gia đình anh H chấp nhận nhận văn bản tố tụng của Toà án và xác định đã thông báo đầy đủ nội dung văn bản cho anh H được biết. anh H không có văn bản gửi về cho Toà án, nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm về vụ án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị Y vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y và anh H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và Trần Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/7/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Y chuyển về nhà anh H tại khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương để sinh sống cùng gia đình nhà chồng. Năm đầu anh H chị Y chung sống hạnh phúc, nhưng dần dần nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 8/2014 anh H sang Nhật Bản để làm việc đến nay vẫn chưa về nước. Thời gian đầu anh H vẫn thỉnh thoảng liên lạc cho chị Y nhưng càng về sau càng ít liên lạc. Năm 2016 chị Y cũng sang Đài Loan sinh sống và làm việc, anh chị ít quan tâm nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 12/2023 chị Y về Việt Nam và có nói chuyện với anh H để đoàn tụ nhưng anh H không đồng ý, anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Chị Y đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại địa chỉ: Phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nay chị Y xác định vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Y yêu cầu ly hôn thì anh H cũng không có ý kiến gì. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Y và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị Y được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Y và anh H có 01 con chung là cháu Trần Phạm Gia H1, sinh ngày 17/4/2023, hiện nay cháu đang ở cùng với chị Y. Khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Xét thấy, hiện nay cháu H1 còn nhỏ và đang ở ổn định cùng chị Phạm Thị Y nên chấp nhận đề nghị của chị Y. Giao cho chị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Phạm Gia H1 cho đến khi trưởng thành và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh Trần Văn H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Phạm Gia H1, sinh ngày 17/4/2023 thời gian từ tháng 6/2024 cho đến khi trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Y.

Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000545 ngày 25/3/2024 (chị Y đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Chí Minh, thành phố Chí Linh (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường